

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA VIỆT NAM

GS ĐẶNG HỮU

Khái quát về nền kinh tế tri thức đầu thế kỷ XXI

Bước vào thế kỷ XXI, nền kinh tế tri thức toàn cầu phát triển mạnh mẽ hơn để đối phó với những thách thức: biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, gia tăng dân số, khủng hoảng kinh tế toàn cầu... Cần có nguồn lực mới, cách sản xuất kinh doanh mới, dựa chủ yếu vào vốn con người, vốn xã hội, giảm thiểu việc sử dụng tài nguyên không tái tạo, chấm dứt cách sản xuất và tiêu dùng phung phí tài nguyên, năng lượng. Có thể điểm qua một vài ưu việt của nền kinh tế tri thức so với nền kinh tế công nghiệp, mà những nước đi sau phải cố gắng bắt kịp để phát triển nhanh đất nước:

- Việc tạo ra của cải, giá trị mới và nâng cao năng lực cạnh tranh không phải chủ yếu do tối ưu hóa, hoàn thiện, hạ giá thành cái đã có mà chủ yếu là do sáng tạo ra cái mới. Đổi mới sáng tạo (innovation) trở thành động lực chủ yếu của sự tăng trưởng và phát triển. Doanh nghiệp phải đầu tư cho vốn tri thức, phát triển vốn tri thức, không ngừng đổi mới, phấn đấu để có công nghệ mới, sản phẩm mới, cách thức kinh doanh mới, tạo sự khác biệt, trở thành duy nhất. Công nghệ đổi mới rất nhanh, vòng đời công nghệ rút ngắn. Tốc độ là trên hết. Chậm trễ đồng nghĩa với thất bại. Đổi mới để phát triển, là phá vỡ sự cân bằng tạm thời, cục bộ để đạt tới sự cân bằng tổng thể vững chắc hơn; “sự phá hủy có tính sáng tạo” trở thành nguyên tắc của sự phát triển: sợ mất ổn định mà không đổi mới thì sẽ trì trệ, và sẽ suy vong!

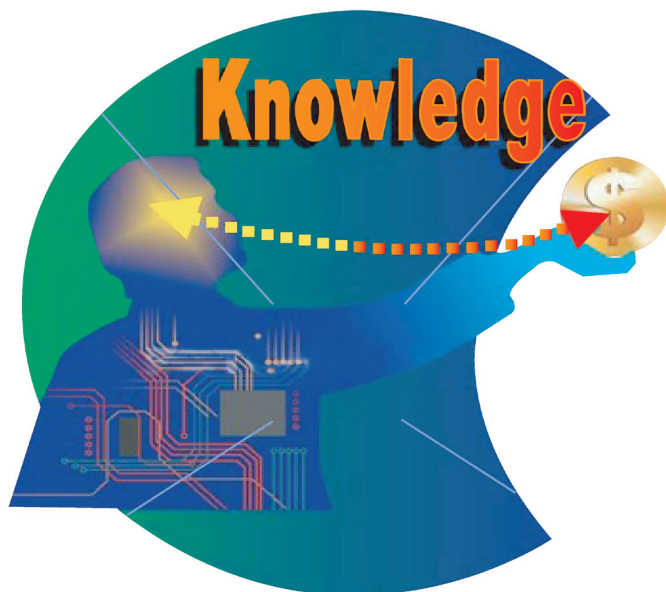
- Vốn con người, vốn tri thức xã hội là nguồn lực cơ bản của phát triển. Tài nguyên là có hạn, tri thức, sự sáng tạo là vô hạn. Một khi tri thức trở thành nguồn lực chủ yếu của nền kinh tế thì tiêu hao tài nguyên giảm đến tối thiểu mà giá trị tạo ra sẽ tăng tối đa. Cạnh tranh kinh tế ngày nay là cạnh tranh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ (KH&CN). Một cuộc cải cách sâu rộng đang diễn ra trong giáo dục từ hai thập kỷ nay với hai thay đổi lớn: chuyển từ trang bị kiến thức sang bồi dưỡng năng lực, chuyển từ chế độ học một lần trên ghế nhà trường sang học tập suốt đời.

Sự hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức là xu thế tất yếu khách quan của xã hội loài người. Trước bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và ngày càng nhanh chóng như hiện nay, quốc gia nào đi nhanh vào nền kinh tế tri thức, quốc gia đó sẽ có lợi thế trên mọi mặt. Thông qua quan điểm và những phân tích, đánh giá của mình, tác giả khẳng định: “kinh tế tri thức là thời cơ lớn và thách thức gay gắt đối với nước ta. Chần chừ, chậm chạp trên đường mòn cũ, không kiên quyết, mạnh dạn đổi mới, để bỏ lỡ cơ hội này, đất nước sẽ tụt hậu xa hơn nữa, và không tránh khỏi sự lệ thuộc”.

- Hai công cụ lao động quan trọng nhất là *bộ óc con người* và *mạng thông tin toàn cầu*. Ai cũng có, cũng có thể sử dụng, nhưng cơ hội không như nhau, thành công hay thất bại tùy thuộc vào năng lực từng người.

- Tài sản vô hình tăng nhanh hơn nhiều so với tài sản hữu hình. Tính chung cho các nước phát triển: trước năm 1985 công nghệ thông tin và công nghệ cao chưa phát triển, tài sản vô hình chiếm tỷ lệ rất thấp và tăng trưởng chậm, đến 1985 chỉ chiếm khoảng 20% GDP. Sau đó trong 10 năm tăng 12%, đến năm 1995 đạt khoảng 32% (đó là thời kỳ máy tính cá nhân phát triển mạnh). 10 năm tiếp theo tỷ lệ này tăng 23%, năm 2005 đạt khoảng 55% (thời kỳ internet phủ khắp toàn cầu); từ năm 2005 đến 2011 dao động ở mức 55-57%. Dự báo năm 2020 sẽ là 70%.

Trong tài sản vô hình thường có khoảng 55% là tài



sản từ ứng dụng công nghệ thông tin và quyền sở hữu trí tuệ (patent, know-how, bản quyền, kiểu dáng công nghiệp...), phần còn lại là do thương hiệu, uy tín, chiến lược, mô hình tổ chức quản lý, quan hệ khách hàng... gọi chung là sự tinh vi trong kinh doanh. Tất cả những tài sản vô hình đó đều là do năng lực sáng tạo của con người, là *tài sản trí tuệ*.

- Rất nhiều nước đã đi nhanh vào nền kinh tế tri thức. Nếu tính theo hàm lượng tri thức hay tài sản trí tuệ trong GDP, thì nhiều nước trong khối OECD đã là nền kinh tế tri thức (tài sản trí tuệ chiếm trên 2/3 GDP). Theo chỉ số kinh tế tri thức (KEI) của Ngân hàng thế giới (WB) thì năm 2012 đã có 29 nước và vùng lãnh thổ đạt KEI từ 8,0 đến 9,43 (Thụy Điển xếp thứ nhất, Đài Loan thứ 13, Hongkong thứ 18, Singapore thứ 23, Hàn Quốc xếp thứ 29). Theo Michael Porter, xét theo năng lực cạnh tranh thì sự phát triển các nền kinh tế trải qua 3 giai đoạn, giai đoạn I là phát triển dựa vào các yếu tố, giai đoạn II dựa vào hiệu quả và giai đoạn III dựa vào đổi mới sáng tạo và kinh doanh tinh vi; các nền kinh tế bước sang giai đoạn III được coi là nền kinh tế tri thức, hay kinh tế sáng tạo. Hiện nay có 32 quốc gia và vùng lãnh thổ được coi là đã trở thành nền kinh tế tri thức, hay kinh tế sáng tạo.

- Cả thế giới hướng tới nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa: rất nhiều quốc gia lựa chọn cạnh tranh quốc tế dựa trên tri thức. Từ các tài liệu thu thập được hiện nay đã có hơn 40 nước đưa ra tầm nhìn, chiến lược 2030 hướng tới nền kinh tế tri thức, trong đó có cả những nước chậm phát triển nhất như Sierra Leone, Zimbabwe, Namibia, Ethiopia...

- Các tổ chức quốc tế tăng cường hoạt động về nâng

cao nhận thức, đánh giá đo lường và giới thiệu kinh nghiệm thực tế phát triển kinh tế tri thức cho cả thế giới. OECD phối hợp với WB hàng năm tổ chức Diễn đàn về kinh tế tri thức toàn cầu (GKEF - global knowledge economy forum) bàn về các vấn đề nhận thức kinh tế tri thức, 4 trụ cột của nền kinh tế tri thức, hệ thống đổi mới sáng tạo và hấp thụ công nghệ... WB cũng hỗ trợ mạnh mẽ các nước trong xây dựng chiến lược, chính sách phát triển kinh tế tri thức, xây dựng cơ sở dữ liệu KEI cho hơn 150 quốc gia (kể từ 1995 đến nay).

Kinh tế tri thức với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu

Cuộc suy thoái kinh tế đang thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế các nước theo hướng dựa nhiều hơn vào tri thức. Hội nhập quốc tế sâu hơn và tăng cường năng lực cạnh tranh dựa trên tri thức là xu hướng của các nước đề ra trong chiến lược phát triển kinh tế 2020, 2030. Giải pháp là: tăng cường các hoạt động và việc làm dựa nhiều vào tri thức; phát triển mạnh ngành chế tạo tiên tiến và dịch vụ nhiều tri thức làm đầu tàu cho nền kinh tế. Việc quan trọng hàng đầu là đổi mới thể chế, tháo gỡ các rào cản đối với dòng chảy tri thức, hỗ trợ cho việc sáng tạo tri thức, đẩy mạnh quá trình đổi mới sáng tạo,

OECD trong tác phẩm *"From Crisis to Recovery"* (2010) có phân tích nguyên nhân của cuộc suy thoái hiện nay là do chạy theo lợi ích trước mắt mà nhiều người khước từ văn hóa kinh doanh, không tuân thủ luật lệ tài chính, vì vậy để lập lại trật tự cần hoàn thiện luật lệ tài chính và kinh doanh quốc tế, tăng cường kiểm tra, quản lý tốt hơn và hợp tác tốt hơn. Đó là để chữa lại sai lầm trong quá khứ, nhưng quan trọng hơn là chuẩn bị cho tương lai: cần có tư duy mới, cách tiếp cận mới về chiến lược tăng trưởng. OECD đang xây dựng *"Chiến lược tăng trưởng xanh"*; phải sản xuất "xanh hơn", cung ứng và tiêu dùng "xanh hơn", phải dừng thói quen tiêu dùng phung phí nhiên liệu hóa thạch để vừa chống lại biến đổi khí hậu, vừa tiết kiệm tài nguyên. Cần đẩy mạnh hơn nữa phát triển KH&CN, thúc đẩy sáng tạo và đổi mới cho sự *"phục hồi xanh"*. Trung tâm Nghiên cứu chính sách của cộng đồng châu Âu đang tập trung nghiên cứu các chính sách phát triển xanh để thực hiện có hiệu quả chiến lược "Châu Âu 2020" lấy mục tiêu chính là *phát triển kinh tế tri thức xanh và bền vững*. Gần đây, Cộng đồng châu Âu, Braxin và nhiều nước khác đã đề ra chiến lược phát triển dựa vào sinh học (bio-based economy), có nước gọi là tăng trưởng dựa vào khu vực lâm nghiệp (forest sector based economy). Theo đó, các nguyên liệu, nhiên liệu được chế biến từ sinh khối

bằng công nghệ sinh học và công nghệ nano, hạn chế tối đa sử dụng nguyên nhiên liệu không tái tạo.

Đánh giá thực trạng nền kinh tế Việt Nam dưới góc nhìn kinh tế tri thức

Kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận qua gần 30 năm đổi mới, bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng. Đổi mới được ghi nhận như là một đột phá tư duy ngoạn mục chuyển sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, mở ra hướng đi mới cho nền kinh tế Việt Nam theo kịp thời đại, tạo đà cho nền kinh tế thoát ra khỏi khủng hoảng, các năng lực sản xuất được giải phóng, khu vực tư nhân phát triển, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) được đưa vào nhiều... nền kinh tế tăng trưởng nhanh trong những năm đầu thập kỷ 90, tiếp đó vượt qua tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực, tiếp tục tăng trưởng khá trong thập niên đầu thế kỷ XXI... Giữa thập kỷ 90, báo chí nước ngoài ca ngợi sự phát triển mới của Việt Nam và có nhiều dự báo Việt Nam sẽ cất cánh trước khi bước vào thiên niên kỷ mới. Thế nhưng đã phát triển của Việt Nam sau đó bất đầu chững lại, nhiều vấn đề mới nảy sinh khi chuyển hẳn sang kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng mà tư duy và thể chế quản lý chưa theo kịp, Đổi mới mất dần động lực, không còn những phát triển đột phá nữa và từ năm 2007 đến nay, nền kinh tế suy giảm tăng trưởng, đứng trước những khó khăn gay gắt chưa từng có sau đổi mới.

Nền kinh tế cho đến nay vẫn đi theo lối mòn với nhiều dấu ấn của mô hình công nghiệp hóa kiểu cũ. Tuy đã chuyển sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, thu hút nhiều FDI, gia nhập WTO, tự do hóa thương mại, nhưng không có tiến bộ nhiều về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Hiệu quả đầu tư có thể lấy hệ số ICOR để đánh giá, ICOR chung của nền kinh tế từ khoảng 4,5 thời kỳ 2000-2006 tăng lên đến trên 8 (giai đoạn 2007-2012), trong khi các nước trong khu vực chỉ ở mức 3-4. Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) ngày càng giảm, từ 22,62% năm 2000 xuống còn 6,44% (Bùi Trinh). Tiêu hao vật chất, năng lượng trên 1 đơn vị GDP ngày càng tăng cao, các chỉ số phát triển công nghệ, chỉ số về năng lực cạnh tranh đều thua xa các nước xung quanh. Nền kinh tế về cơ bản vẫn là kinh tế gia công, bán tài nguyên, nhập công nghệ mà phần lớn là công nghệ cũ từ nước ngoài, chưa phát huy được năng lực KH&CN của quốc gia. Khối lượng xuất nhập khẩu gia tăng nhanh, thu hút nhiều FDI nhưng không có tác dụng gì về nâng cao nền tảng tri thức: trong tổng giá trị xuất khẩu, tỷ lệ sản phẩm công nghệ cao chiếm chưa đến 5%; trong FDI, công nghệ mới cũng chỉ chiếm khoảng 5%. Thế giới coi FDI là kênh chuyển giao tri thức, nhưng

ở ta thì chuyển giao tri thức rất ít, mà chủ yếu là thuê đất đai, nhân công rẻ, sử dụng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ với nhiều ưu đãi. Nền kinh tế không dựa vào nguồn lực trí tuệ, không được quản trị tốt đã dẫn đến những bất ổn và suy giảm kinh tế nghiêm trọng hiện nay.

Kết quả nghiên cứu bước đầu còn cho thấy, FDI dù có làm tăng GDP nhưng lại làm cho chỉ số quan trọng hơn là GNI có xu hướng ngày càng giảm. So sánh GNI và GDP cho thấy, năm 2000 tỷ lệ GNI/GDP là 98,6%, đến năm 2012 giảm xuống còn 95%, dẫn tới tỷ lệ tiết kiệm (nguồn để đầu tư) từ nền kinh tế giảm nhanh từ 2006 đến nay (từ 36% xuống còn 29%). Tiết kiệm của nội bộ nền kinh tế - nguồn cơ bản để đầu tư giảm rất mạnh, từ 87% trong tổng vốn đầu tư năm 2006 xuống 67% năm 2009. Tỷ trọng giá trị gia tăng của khu vực FDI trong GDP năm 2000 khoảng 13%, đến năm 2011 tỷ lệ này tăng đến khoảng 20% GDP. Nhưng lượng tiền chi trả sở hữu thuần ra nước ngoài (chi trả sở hữu trừ thu từ sở hữu) của năm 2012 theo giá hiện hành tăng gần 26 lần so với năm 2000, nếu loại trừ yếu tố giá cũng xấp xỉ 9 lần! Một ví dụ điển hình là: do được bao cấp về giá điện (chỉ bằng 70% giá thế giới), các doanh nghiệp FDI ồ ạt nhảy vào Việt Nam làm xi măng, sắt thép để kiếm lời. Tạo ra được GDP nhưng làm suy giảm tổng tài sản quốc gia, tích lũy thuần (genuine saving) không được bao nhiêu, thậm chí có thể có giá trị âm. Nếu cứ tiếp tục mô hình tăng trưởng này thì đất nước sẽ ngày càng suy kiệt. Có thể nói, để đạt được những thành tựu trong gần 30 năm qua chúng ta đã phải trả giá quá đắt!

Theo WB xếp hạng về chỉ số KEI, năm 2012 Việt Nam xếp thứ 104/146 nước và vùng lãnh thổ, trong giai đoạn 2000-2012 tăng được 9 bậc so với năm 2000 (113/146), thuộc nhóm trung bình thấp (KEI 2-4). So sánh với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng trên 4 nước: Indonesia, Lào, Campuchia, Myanmar (Indonesia có nhiều năm đứng trên Việt Nam).

Trong 4 trụ cột thì thể chế và môi trường kinh doanh là kém nhất, đạt 2,8 điểm, đứng thứ 108/146 năm 2012; công nghệ thông tin khá nhất, từ 3,82 điểm, xếp thứ 113/146 năm 2000 tăng lên 5,05 điểm, thứ 75/146 năm 2012, KEI tăng nhờ chỉ số về công nghệ thông tin.

Nếu xét theo 12 trụ cột, ba giai đoạn phát triển của các nền kinh tế (M. Porter), giai đoạn đầu phát triển dựa vào các yếu tố, giai đoạn 2 dựa vào hiệu quả, giai đoạn 3 dựa vào sáng tạo và kinh doanh tinh vi - đây mới là kinh tế tri thức, thì Việt Nam vẫn là nước đang giảm chân tại chỗ trong giai đoạn 1 (dựa trên 4 trụ cột: thể chế, cơ sở hạ tầng, môi trường kinh tế vĩ mô, sức



khỏe và giáo dục cơ bản); trong khi đó Philippin đang chuyển tiếp từ giai đoạn 1 sang giai đoạn 2; Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc đang ở giai đoạn 2. Năm 2012, xếp hạng theo chỉ số cạnh tranh (Global Competitiveness Index - GCI), Việt Nam đứng thứ 75/144; năm 2013 vươn lên vị trí thứ 70. Tuy thăng 5 hạng, nhưng Việt Nam vẫn bị đánh giá là có năng lực cạnh tranh kém hơn so với nhiều quốc gia trong cùng khu vực Đông Nam Á được xếp hạng, như Singapore (xếp thứ 2), Malaysia (24), Brunei (26), Thái Lan (37), Indonesia (38) và Philippines (59).

Theo báo cáo về Chỉ số đổi mới toàn cầu (The Global Innovation Index - GII), do WIPO, Đại học Cornell (Mỹ) và Viện INSEAD hợp tác thực hiện hàng năm từ năm 2009, năm 2011 Việt Nam đứng thứ 51/125 nước; đến năm 2012 tụt sâu xuống thứ 76/141 nước. Năm 2013, Việt Nam vẫn chỉ giữ nguyên vị trí thứ 76 và xếp thứ 5 trong khối các nước ASEAN. Đó chỉ là nói về năng lực KH&CN, chưa xem xét tác động của nó đến kinh tế.

So với các nước và vùng lãnh thổ như: Hàn Quốc, Đài Loan qua 25 năm (1970-1995) đã trở thành nước công nghiệp hóa mới; còn ta cũng 25 năm tính từ 1987 đến 2012, giai đoạn này lại có điều kiện thuận lợi hơn, thì công nghiệp hóa chưa đi được nửa đường; tình hình diễn biến ngược lại với định hướng phát triển kinh tế tri thức đề ra gần 15 năm nay. Trung Quốc đổi mới từ năm 1978, nhờ chính sách của Đặng Tiểu Bình chấm dứt tranh luận “họ tư hay họ xã”, mạnh dạn phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng, chấn hưng đất nước bằng KH&CN, giáo dục và đào tạo, theo bước đi của các nước phát triển nhất, sau 30 năm đã trở thành nước công nghiệp, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Với sức mạnh kinh tế hùng hậu ấy họ càng hưng hăng thực hiện mưu đồ bành trướng, bá chủ toàn cầu. Đó là thách thức lớn đối với nước ta, nếu ta không quyết tâm đổi mới và hoàn thiện thể chế, thực hiện đại đoàn kết toàn dân,

để nền kinh tế tiếp tục tụt hậu thì nguy cơ lệ thuộc là khó tránh khỏi.

Đại hội VI đề ra yêu cầu phải đổi mới đồng bộ, toàn diện, đổi mới kinh tế trước, chính trị sau. Thế nhưng hệ thống chính trị rất chậm đổi mới (lẽ ra phải từ giữa thập kỷ 90), quyền làm chủ của nhân dân còn bị hạn chế, khối đại đoàn kết toàn dân chưa được phát huy, còn nhiều rào cản đối với các năng lực sản xuất và các quá trình đổi mới sáng tạo. Đội ngũ trí thức nước ta đầy tâm huyết muốn được cống hiến góp phần đổi mới đất nước theo kịp thời đại thì chưa được phát huy mạnh mẽ, tiềm năng trí tuệ dân tộc bị lãng phí đáng kể.

Bài học mà Đại hội VI đã đúc kết cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị: 1 - Lấy dân làm gốc, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; 2 - Luôn xuất phát từ thực tiễn, hành động theo quy luật khách quan; 3 - Kết hợp sức mạnh của thời đại và sức mạnh của dân tộc; 4 - Xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị một Đảng cầm quyền.

Cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa để tiến cùng thời đại

Với những phân tích trên, có thể nói chúng ta đang chậm chạp và tụt hậu so với thế giới (và ngay cả các nước trong khu vực). Để phát triển trong tương lai, chúng ta cần phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, trong đó cần chú trọng các vấn đề sau:

Đổi mới tư duy theo kịp thời đại: thời đại ngày nay là thời đại toàn cầu hóa, thời đại tri thức và thông tin, một thế giới kết nối đang chuyển sang phương thức phát triển mới, cùng với những thay đổi mạnh mẽ, lớn lao, nhanh chóng trên tất cả các lĩnh vực; hội nhập vào thế giới ấy mà không thay đổi cách nghĩ, cách làm thì không tránh khỏi thất bại.

Tư duy phát triển bằng vốn trí tuệ con người, coi tri thức là nguồn gốc của mọi của cải; coi trọng tài sản trí tuệ hơn tài sản hữu hình; đội ngũ trí thức là chủ thể của nền kinh tế tri thức, không có đội ngũ trí thức thì không có kinh tế tri thức. Đổi mới thể chế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, hoàn thiện nền kinh tế thị trường dung nạp (inclusive).

Phát huy dân chủ: có môi trường tự do dân chủ thực sự thì KH&CN mới phát triển, nền tảng tri thức cho nền kinh tế mới được vững chắc. Cần khuyến khích tìm tòi cái mới, khuyến khích tranh luận, phản biện, tôn trọng những ý kiến khác nhau, có thái độ thực sự cầu thị, cùng nhau đi tìm chân lý, cùng sáng tạo ra tri thức mới. Quá trình sáng tạo tri thức bắt đầu từ tri thức ẩn của con người có được khi tiếp thu tri thức hiện, qua tương

tác giữa con người với con người và với bối cảnh xung quanh, qua trải nghiệm thực tế sẽ được khách quan hóa, trở thành tri thức mới, được hiển thị và quảng bá, giúp nâng cao tri thức tiềm ẩn ở nhiều người và làm tăng vốn tri thức của xã hội.

Đổi mới hệ thống chính trị: Đảng là người lãnh đạo, không làm thay việc của Nhà nước; Quốc hội phải là cơ quan quyền lực cao nhất, là đại biểu của nhân dân, do dân lựa chọn bầu ra, dân có quyền kiểm soát, bãi miễn, những việc trọng đại phải được dân phúc quyết. Thực hiện cho được câu Hồ Chủ tịch đã nói: nước ta là nước dân chủ, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Cơ quan có quyền lực mà không có cơ chế kiểm soát quyền lực thì khó tránh khỏi quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, tham nhũng. Tiếp tục đổi mới Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Đảng phải trí tuệ, đạo đức, văn minh. Đảng phải hoạt động theo luật pháp, và phải chịu sự kiểm soát của dân. Mất lòng tin của dân thì Đảng không còn.

Để dân được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, phải phát triển xã hội dân sự, xã hội dân sự là để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Có dân chủ mới có phát triển, đó là quy luật phát triển của xã hội loài người.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường: kinh nghiệm lịch sử cho thấy, phải có nền kinh tế thị trường thì KH&CN mới phát triển, mới có kinh tế tri thức. Vai trò rất quan trọng của Nhà nước là tôn trọng, bảo hộ quyền sở hữu của người dân, tạo cơ hội cho mọi người được tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng; đồng thời Nhà nước có chức năng điều tiết thu nhập, chăm lo phúc lợi chung của xã hội, hỗ trợ các nhóm yếu thế, bảo đảm công khai, minh bạch. Sự can thiệp của Nhà nước bằng công cụ chính sách trên nguyên tắc thị trường, không trái với quy luật của thị trường, là để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đó chính là nền kinh tế thị trường dung nạp (inclusive), ngược lại với kinh tế thị trường thải loại (exclusive).

Nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường và xã hội dân sự phải song song tồn tại như ba trụ cột của một xã hội phát triển.

Đổi mới quản lý kinh tế: trọng tâm của quản lý kinh tế cần chuyển sang quản lý tri thức và quản lý dựa trên tri thức, khơi dậy các năng lực sáng tạo, tạo ra tri thức mới và sử dụng có hiệu quả tri thức, biến tri thức thành giá trị. Chuyển trọng tâm từ quản lý nguồn lực vật chất (hữu hình) sang quản lý nguồn lực trí tuệ (vô hình). Trong nền kinh tế tri thức, vai trò của chính phủ chuyển từ chức năng kiểm soát, chỉ huy sang chức năng kiến tạo phát triển, tức chức năng định hướng phát triển và chức

năng bà đỡ cho nền kinh tế mới, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người sản xuất kinh doanh, chăm lo nuôi dưỡng các khả năng sáng tạo, phát triển các nhân tố mới. Còn duy trì cách quản lý quan liêu gò bó như hiện nay thì không có kinh tế tri thức.

Thiết lập hệ thống đổi mới sáng tạo trong toàn nền kinh tế, tạo sự liên kết hữu cơ khoa học - đào tạo - sản xuất kinh doanh, nhằm đẩy nhanh quá trình đổi mới sáng tạo. Có cơ chế tài chính, tín dụng thỏa đáng thúc đẩy quá trình đổi mới. Phát triển thị trường công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, các khu công nghệ cao, vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp, phát triển hệ thống cụm tri thức (knowledge cluster) từ trung ương đến các vùng, các địa phương để hỗ trợ thúc đẩy việc tạo và nhanh chóng sử dụng tri thức sát với tình hình cụ thể.

Có chính sách thỏa đáng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với từng giai đoạn phát triển, theo nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích của người sáng tạo, người sử dụng và lợi ích chung của xã hội, lợi ích của đất nước.

Từ đó tiến hành đổi mới toàn diện các lĩnh vực: đổi mới mô hình tăng trưởng theo định hướng kinh tế tri thức, đổi mới doanh nghiệp theo hướng doanh nghiệp tri thức, đổi mới toàn diện và triệt để giáo dục và đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức đủ năng lực sáng tạo, xây dựng đội ngũ công nhân tri thức, xây dựng xã hội học tập, đổi mới hệ thống KH&CN, nâng cao năng lực KH&CN quốc gia, phát triển mạnh hạ tầng thông tin, xây dựng xã hội thông tin, hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo có thể nhanh chóng biến tri thức thành giá trị.

* *

Dân tộc ta không những kiên cường bất khuất mà còn thông minh, giàu tính sáng tạo, nhờ đức tính đó chúng ta đã chống được sự Bắc thuộc và đã đánh thắng các đế quốc xâm lược hùng mạnh nhất. Vậy trong cuộc chiến hiện nay, cuộc chiến chống lại nghèo nàn lạc hậu, xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền lãnh thổ, lẽ nào ta lại chịu lùi bước? Sức mạnh của dân tộc ta bắt nguồn từ sự đại đoàn kết toàn dân. Phải đổi mới và hoàn thiện thể chế, phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy nguồn lực trí tuệ, tài năng sáng tạo của dân tộc, không có khó khăn nào không vượt qua được.

Kinh tế tri thức là thời cơ lớn và thách thức gay gắt đối với nước ta. Chấn chỉnh, chậm chạp trên đường mòn cũ, không kiên quyết, mạnh dạn đổi mới, để bỏ lỡ cơ hội này, đất nước sẽ tụt hậu xa hơn nữa, và không tránh khỏi sự lệ thuộc.